

Nên Viết “Xử dụng” hay “Sử dụng” ?

Trong cuốn Ngữ vựng tiếng Việt đầu tiên (Westminster, CA, 2017), nơi trang 6, Giáo sư Trần Ngọc Ninh cho biết theo nhận xét của ông, “trong số các nhà văn nhà báo, có chừng 50 phần trăm viết ‘sử dụng’ và áng 50 phần trăm viết ‘xử dụng’.” Nhân thấy hai phía “tương đương,” Gs. Ninh không tỏ ra thiên về phía nào. Ông dẫn lời một nhà làm tự điển, “**thói quen là vua trong ngôn ngữ**” (sách đã dẫn, cùng trang).

Khi cho học sinh viết chính tả, một cô giáo dạy Việt ngữ không được nhiều tự do như thế mà cần có một ý niệm rõ rệt, dứt khoát hơn. Giữa hai cách viết “xử dụng” và “sử dụng,” nên hướng dẫn học sinh chọn cách nào, và tại sao lại nên chọn như thế? Bài này được viết theo đề nghị của hai người bạn. Một người bạn trẻ, dạy tiếng Việt ở một Trung tâm Việt ngữ. Người bạn thứ hai lớn tuổi hơn, một bác sĩ y khoa quan tâm tới đất nước và những vấn đề mang tính cách ngôn ngữ, văn hóa, nêu câu hỏi sau khi đọc xong cuốn sách vừa kể của bác sĩ Trần Ngọc Ninh.

Trước hết, “xử” (viết với X) là một từ khá thông dụng trong tiếng Việt. Chúng ta nói “phân xử, xét xử, khu xử, xử trí, xử thế...” Xử cũng chỉ lối sống của một kẻ sĩ ở ẩn, không chịu ra làm việc đời (Xử sĩ, Xưa nay xuất xử thường hai lối — Nguyễn Công Trứ). “Xử nữ” cũng đồng nghĩa với “trinh nữ.” Trong khoa chiêm tinh Tây phương, cung Virgo trong Zodiac được dịch sang tiếng Pháp là Vierge và tiếng Việt là Xử nữ. Nhân từ “xử nữ” có thêm từ Hán Việt “xử nữ mạc” (màng trinh). Vì sự thông dụng của từ “xử,” khi cần diễn ý “xử dụng/sử dụng” với nghĩa “sai khiến, dùng vào một việc gì,” nhiều người đã viết “xử dụng” (với X) một cách tự nhiên. Đó cũng là lựa chọn của người viết những dòng này trong gần suốt thời gian ở Trung học, nghĩ rằng mình đã viết đúng.

Hai chữ “xử” và “sử” đều là từ Hán Việt, có gốc chữ Hán. Nếu từ “xử” trong “phân xử, xử thế, xuất xử” có gốc chữ Hán là 處 (cũng được đọc là “xứ” như trong “xứ sở, xuất xứ”), thì từ “sử” với nghĩa “sai khiến” có gốc từ chữ 使. Trong Hán văn, để diễn ý “sai khiến, dùng vào một việc gì,” người ta viết 使 hay 使用 (“sử” hay “sử dụng”).

Trong các tự điển Khang Hi và Từ Hải (biển các từ), chữ 使 được cho biết là 从音史 “tòng âm sử” (theo âm “sử,” phát âm như chữ “sử” 史 với nghĩa lịch sử). Trong The Pinyin Chinese-English Dictionary do Gs. Wu Jingrong (吳景榮 = Ngô Cảnh Vinh) thuộc Viện Ngoại ngữ Bắc Kinh làm chủ biên, thì chữ 使 có âm là “shǐ” (“shì,” phát âm theo thượng thanh). Trong các tự điển Hán-Việt, chữ ấy được ghi âm là “sử” (viết với S, giống chữ “sử” trong “lịch sử”):

- Hán Việt tự điển của Thiệu Chửu: trang 21;
- Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh: trang 213;
- Hán Việt tự điển của Trần Trọng San: trang 20;
- Từ điển Hán Việt của Trần Văn Chánh: trang 152;
- Từ lâm Hán Việt tự điển của Vĩnh Cao và Nguyễn Phổ: trang 62.

Trong các tự điển Việt ngữ được coi là “có thẩm quyền,” hai chữ “sử dụng” cũng được viết với S:

- Tự điển Việt Nam của Lê Văn Đức & Lê Ngọc Trụ: trang 1321, quyển Hạ;
- Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của: trang 312, quyển 2.

Để làm thí dụ, xin được trình bày phóng ảnh những đoạn về cách viết chữ ấy trong các tự điển:

-- Tự Điển Trần Trọng San:

使 sử [shǐ] 1 sai khiến. 2 khiến, làm cho : *sử nhân cảm động*
使人感動 : khiến người cảm động. 3 dùng : *sử dụng* 使用
4 tiếng giả thiết : ví phỏng, nếu như : *giả sử* 假使 .
sứ [shì] tên chức quan về ngoại giao trú tại nước ngoài :
sứ thần 使臣 .

-- Tự Điển Vĩnh Cao & Nguyễn Phó:

使

1. SỬ

~ (động) ① Sai khiến. Vd: 使喚 *Sử hoán*: Sai bảo. ② Dùng. Vd: 使用 *Sử dụng*: Dùng. ③ Khiến cho. Vd: 使我快樂 *Sử ngã khoái lạc*: Khiến cho ta vui vẻ.

~ (phó) Nếu. Vd: 倘使 *Thằng sử*: Nếu như.

2. SỬ

~ (danh) Người được sai khiến. Vd: 公使 *Công sứ*, 使者 *Sứ giả*.

-- Tự Điển Lê Văn Đức & Lê Ngọc Trụ:

SỬ đt. Sai-khiến: *Chức-sử, sai-sử, sở-sử, uỷ-sử* // (R) Bày-biểu, chỉ dẫn: *Không sử sử nôi*.

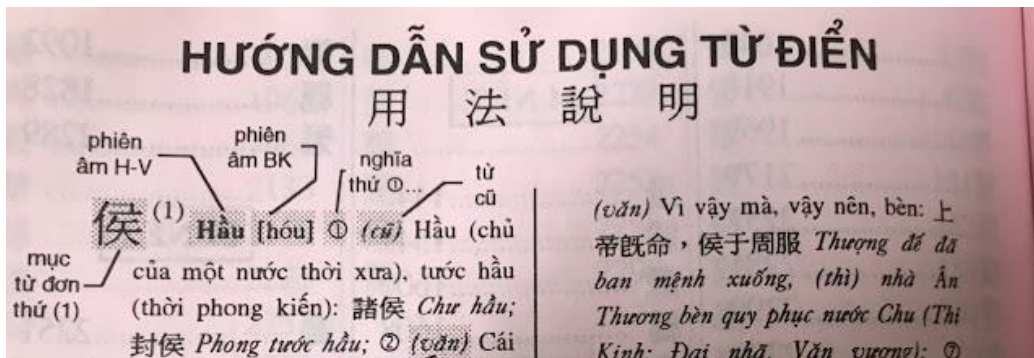
sử chúng đt. Ra lệnh cho nhiều người làm theo: *Nắm quyền sử chúng*.

sử đại đt. Xúi đại, bày biểu chuyện bày, có hại: *Việc người mặc người, đừng có sử đại như vậy!*

sử dịch đt. Cắt công-việc làm.

sử-dụng đt. Dùng: *Sử-dụng quyền-hành, sử-dụng ngòi bút* // Xài theo phương-pháp riêng: *Nhà có cày máy mà không có người biết sử-dụng*.

Nhà biên soạn tự điển Trần Văn Chánh còn dùng từ “sử dụng” trong lời văn của chính ông:



“Sử” với nghĩa “sai khiến” là một từ khá thông dụng trong cổ văn. Trong Luận ngữ, Khổng tử từng trả lời một câu hỏi của Lỗ Định công về liên hệ vua tôi như sau: “Quân sử thần dĩ lễ, thần sự quân dĩ trung” (vua sai khiến bề tôi với lễ, bề tôi phụng sự vua với lòng trung) :

19. 定公問君使臣臣事君如之何
孔子對曰君使臣以禮臣事君以忠

Định công vấn: “Quân sử thân, thân sự quân, như chi hà?”

Khổng Tử đối viết: “Quân sử thân dĩ lễ, thân sự quân dĩ trung”.

NGHĨA

Định công hỏi rằng: “Vua sai khiến bề tôi, bề tôi thờ vua, nên như thế nào?”

Khổng Tử đáp rằng: “Vua lấy lễ sai khiến bề tôi, bề tôi lấy lòng trung để thờ vua”.

(Luận ngữ, Thiên “Bát dật,” tiết 19).

Ở một đoạn khác trong Luận ngữ, Khổng tử khuyên những người trị nước muốn dùng sức dân (bắt dân làm những việc tạp dịch) phải “sử dân dĩ thời” (sai khiến dân đúng thời, ngụ ý tránh những lúc dân đang bận vì các việc cấy gặt, đồng áng):

5. 子曰道千乘之國敬事而信節用
愛人使民以時

Tử viết: Đạo thiên thặng chi quốc: kính sự nhi tín, tiết dụng nhi ái nhân, sử dân dĩ thời”.

NGHĨA

Khổng Tử nói rằng: “Người cai trị nước ngàn cỗ xe phải: thận trọng trong công việc mà giữ chữ tín, tiết kiệm việc chi tiêu mà thương yêu người, sai khiến dân phải lúc”.

CHÚ GIẢI

đạo 道: dẫn dắt dân chúng, cai trị đất nước.

thiên thặng 千 乘: ngàn cỗ xe, trở vua của nước chư hầu nhỏ.

kính sự 敬 事: làm việc gì cũng để lòng kính cẩn, thận trọng. Không dám coi thường bất cứ một công việc gì, tín 信: không thất hứa.

tiết dụng 節 用: chi tiêu dè dặt, không hoang phí. ái nhân 愛 人: yêu người.

sử dân dĩ thời 使 人 以 時: sai khiến dân phải lúc, đúng thời, không làm phương hại tới sinh hoạt thường ngày của dân, chẳng hạn như đang mùa gặt hái, chớ bắt dân làm việc công ích (ngày xưa nói là: bắt xấu).

(Luận ngữ, thiên “Học nhi,” tiết 5).

Trong một bài Đường thi khá được phổ biến (bài “Thục tướng,” vịnh Thừa tướng nhà Thục Hán), Đỗ Phủ bày tỏ niềm thương tiếc Khổng Minh bằng hai câu:

出師未捷身先死
長使英雄淚滿襟

Xuất sư vị tiệp thân tiên tử
Trường sử anh hùng lệ mãn khâm
(Ra quân chưa thắng thân đã thác
Khiến cho khách anh hùng nước mắt đầy vạt áo)

Tất cả các nhà dịch thơ chúng ta biết đều viết chữ "sử" ấy với S:

Trần Trọng Kim:

ĐUỜNG THI

丞相祠堂何處尋，
Thừa-tướng từ-đường hà xứ tìm,
錦官城外柏森森。
Cầm-quan thành ngoại bách sâm sâm.
映階碧草自春色，
Ánh giai bích thảo tự xuân sắc,
隔葉黃鸝空好音。
Cách diệp hoàng-li không hảo âm.
三顧頻繁天下計，
Tam cố tần phồn thiên-hạ kế,
兩朝開濟老臣心。
Lưỡng triều khai tế lão thần tâm.
出師未捷身先死，
Xuất sư vị tiệp thân tiên tử,
長使英雄淚滿襟。
Trường sử anh-hùng lệ mãn khâm.

Trần Trọng San:

蜀相

丞相祠堂何處尋
錦官城外柏森森
映階碧草自春色
隔葉黃鸝空好音
三顧頻煩天下計
兩朝開濟老臣心
出師未捷身先死
長使英雄淚滿襟

22. THỰC TƯỚNG

Thừa tướng từ đường hà xứ tìm ?
Cầm-Quan thành ngoại bách sâm sâm.
Ánh giai bích thảo tự xuân sắc,
Cách diệp hoàng li không hảo âm.
Tam cố tần phiền thiên hạ kế,
Lưỡng triều khai tế lão thần tâm.
Xuất sư vị tiệp thân tiên tử,
Trường sử anh-hùng lệ mãn khâm.

Khi phổ biến bài "Thực tướng" trên Net, tất cả các trang mạng được nhiều người biết tới cũng dùng S để viết chữ "sử":

Trên thivien.net:

<http://www.thivien.net/%C4%90%E1%BB%97-Ph%E1%BB%A7/Th%E1%BB%A5c-t%C6%B0%E1%BB%9Bng/poem-QQnXu3PGnbnRDFyl9KrWQ>

Trên hoasontrang.us:

<http://www.hoasontrang.us/tangpoems/duongthi.php?loi=145>

Trên saimonthidan.com:

<http://www.saimonthidan.com/?c=article&p=7297>

Chữ “sử” 使 trong “quân sử thần dĩ lễ,” “sử dân dĩ thời,” “trường sử anh hùng ...” chính là chữ “sử” 使 trong động từ “sử dụng” 使用. Theo các tự điển, chữ ấy cùng âm với chữ “sử” 史 trong lịch sử, sử ký... Khi ta dùng S để viết “lịch sử, sử ký, Quốc sử quán, sử quan, sử gia ...,” đương nhiên ta cũng nên dùng S để viết chữ “sử” trong “sử dụng.”

Trong Việt ngữ, **khi dùng làm động từ, chữ ấy được đọc là “sử,” nhưng khi dùng làm danh từ, sẽ được đọc là “sứ.”** Chúng ta có từ “sứ giả” (người được sai đi). Từ đó có thêm những từ “đi sứ, sứ thần, sứ quán, ông Đại sứ ...” Vì cùng một gốc chữ Hán 使, cách đọc những chữ ấy phải giống nhau. Không lẽ chúng ta viết “sứ giả, sứ thần” với chữ S nhưng lại đổi dùng X để viết “sử dụng” thành “xử dụng”?

Hiện nay số người viết “sử dụng” có vẻ mỗi ngày một nhiều hơn. Đó là lỗi viết được ghi trong các tự điển.

Nguồn: <http://tranhuybich.blogspot.com>